

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Số: 02.0704/2026/QĐ-CBNL

(Vv: Thông báo công bố năng lực đủ điều kiện
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

THÔNG BÁO

(Về việc: Công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Mã số LAS-XD 160 do Bộ xây dựng cấp theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 175/GCN-BXD ngày 27/08/2021

2. Thực hiện theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng có quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01.0704/2026/QĐ-CBNL ngày 13 tháng 04 năm 2026. Nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: www.cteilxd160.com

Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố trên Website trên.

Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP Công ty
- Lưu PTN.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG



GIÁM ĐỐC

Dinh Xuân Viên

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026

Số: 01.0704 /2026/QĐ-CBNL

(Vv: Công bố năng lực đủ điều kiện
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101184392 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 10 năm 2001 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 07 tháng 02 năm 2022 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, số 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện pháp luật: **Đinh Xuân Viên** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0101184392

Website: www.cteilxd160.com

Điện thoại: 0903 825 504

Email: ctei.quanly@gmail.com

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng

Địa chỉ: Số 2 ngách 39 ngõ 1 đường Đào Xuyên, Đa Tốn, Gia Lâm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972391104 Email: ctei.quanly@gmail.com

Trưởng phòng thí nghiệm: **Lộc Xuân Sơn**

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 160 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 175/GCN-BXD ngày 27/08/2021).

- 1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- 2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
- 2.2. Danh mục máy móc thiết bị: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
- 2.3. Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: (Danh mục kèm theo Quyết định này)
- 2.4. Quyết định này được công bố công khai tại (Wed: www.cteilxd160.com)

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định chất lượng công trình Việt Nam cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Web; www.cteilxd160.com/congbonangluc
- SXD thành phố Hà Nội
- Lưu: VT

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG**



GIÁM ĐỐC

Dinh Xuân Viên

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
(Kèm theo quyết định số: Số: 01.0704 /2026/QĐ-CBNL ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
I	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG		
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Cân kỹ thuật, thùng đựng, bay xúc
2	Độ mịn, khối lượng riêng, thành phần của xi măng	TCVN 13605:2023 TCVN 141:2023	Sàng, bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, con lắc va đập
3	Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M	Máy nén thủy lực, thước kẹp, gá nén, uốn...
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 ASTM C359 TCVN 9488:2012	Bộ Kim vica, đồng hồ bấm giờ, cân kỹ thuật, ống đong...
5	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải tiến, hàm lượng bọt khí	TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012	kim Vicat, khuôn vữa, máy trộn, bộ cân
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
6	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022 ASTM C31/C31M BS EN 12350-1	Khuôn đúc mẫu 150x150x600mm, 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tằm để, que chọc, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm
7	Xác định độ sụt, độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022 ASTM C1611 ASTM C143/C143M AASHTO T119 EN 12350-2	Côn thử độ sụt, thước thép, cối trộn, khuôn ...
8	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế, hỗn hợp bê tông	TCVN 5574:2018 TCVN 9340:2012 TCVN 10306:14 ACI 211, ACI 318	Máy nén, máy uốn, máy kéo thủy lực,
9	Phương pháp VEBE xác định độ cứng của bê tông	TCVN 3107:2022 ASTM C1170	Thiết bị đo Vebe
10	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM, C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6 BS 1881 -Part 107-199	Thùng đong Cân điện tử sai số 50g
11	Xác định độ tách nước, tách	TCVN 3109:2022	Bàn rung

	vữa của hỗn hợp bê tông	ASTM C232/232M AASHTO T158 EN 12350-4	Khuôn 200x200x200mm Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy
12	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993 ASTM D2850 ASTM D4767	Thùng trộn Cân điện tử 50kg Tủ sấy Bộ sàng cát
13	Xác định hàm lượng bọt khí trong bê tông	TCVN 3111:2022 BS EN 12350-7 ASTM C173 ASTM C231 AASHTO T152	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí
14	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127 EN 12390-7 BS 1881 -Part 114	Bình thủy tinh, Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 5mm; 1,25mm ; 0,125mm Bình hút ẩm Hoá chất H2SO4 Tủ sấy
15	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7 BS 1881-Part 122	Cân điện tử sai số 0,1g Thùng ngâm mẫu Tủ sấy Bình hút ẩm
16	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022 ASTM C131	Máy thử mài mòn, Thước kẹp, Cân điện tử sai số 0,1g
17	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138	Thùng đong Cân điện tử sai số 0,1g
18	Xác định độ chống thấm nước, chiều sâu thấm nước dưới áp lực	TCVN 3116:2022 ASTM C403/403M ASTM C1585 EN 12390-8 TCVN 8219:2009 ASTM C1585 BS EN 12390-8	Máy thử độ chống thấm tủ sấy 300 ⁰ c.
19	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157 AASHTO T160	Thiết bị đo co ngót bê tông Khuôn đúc mẫu kích thước 150x150x600mm, cân kỹ thuật 30kg
20	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M BS 1881-part 116, AASHTO T22M/T22 EN 12390-3	Máy nén thủy lực 200 tấn
21	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293/ C293M	Máy nén thủy lực 200 tấn Gá uốn bê tông 2 điểm
22	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ, ép chế	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M AASHTO T198 EN 12390-6 TCVN 8862:2011	Máy nén thủy lực 200 tấn Bộ gá ép chế
23	Xác định cường độ lăng trụ	TCVN 5726:1993,	Máy nén thủy lực 200 tấn,

	và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M	Thiết bị đo modun đàn hồi khi nén Thuốc lá kim loại
24	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338 :2012, ASTM C403/C403M AASHTO T197M/T197	Thiết bị đo thời gian đông kết bê tông Đồng hồ bấm giây
25	Xác định tỷ lệ hấp thụ nước của bê tông xi măng	ASTM C1585	Tủ sấy, cân kỹ thuật.
26	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012, ASTM C1064, AASHTO T309, JIS A1156	Thùng đựng, bay xúc, giăng tay, nhiệt kế,
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM		
27	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật (chính xác 1%); dụng cụ lấy mẫu
28	Thành phần cỡ hạt cốt liệu lớn, nhỏ, mô đun độ lớn của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-02:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012, AASHTO T11	Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 1g Sàng 0,075mm
29	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006, AASHTO T85, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật 6kg (0,1g), bình hút ẩm, tủ sấy 300 ⁰ C (±1 °C), bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, côn thử độ ẩm cốt liệu, máy sấy tốc,que chọc thủy tinh, sàng kích thước 5mm và 0.14mm
30	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-06:2006, ASTM C29, TCVN 6221:1997	Thùng đóng Cân điện tử sai số 1g Phễu xốp đá,cát Tủ sấy
31	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-07:2006, ASTM C70, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy
32	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 ASTM C142, AASHTO TI 12, TCVN 344:1986	Thùng đóng Cân điện tử sai số 1g Thùng rửa cát, đá Tủ sấy
33	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M AASHTO T21	Ống đóng Cân điện tử sai số 0,1g Sàng 20mm Bảng màu chuẩn Hoá chất: NaOH
34	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938	Máy nén thủy lực, Máy khoan, Máy cưa, Thùng ngâm
35	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997	Máy nén thủy lực Bộ nén dập xi lanh Cân điện tử sai số 1g Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Thùng ngâm mẫu
36	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535	Máy Los Angeles Cân điện tử sai số 0,1g Bộ sàng thí nghiệm

	máy (Log Angeles)	AASHTO T96	Tủ sấy
37	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006, ASTM D4791-2023, BS EN 933-3-2012, BS EN 933-4-2008, BS EN 933-5-1998, BS 812- part 105.1-1989	Cân điện tử sai số 0,1g Thước đo dài dẹt Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy
38	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-16:2006, TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 5mm Bình hút ẩm Tủ sấy Lò nung
39	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006, AASHTOT112	Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Kim sắt
40	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006, TCVN 11807:2017	Cân điện tử sai số 0,1g Kính lúp Bộ thử góc cạnh cốt liệu thô Tủ sấy
41	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân điện tử 0,001g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Đũa thủy tinh
42	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Bộ dụng cụ đương lượng cát
IV	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA		
43	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-01:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy
44	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022	Cân 6kg, thùng chứa có nắp, bay xẻng
45	Xác định độ lưu động, độ chảy xèo của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437, C939	Bàn dẫn Cân điện tử sai số 1g
46	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân điện tử sai số 1g Bình đong 1L
47	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022	Phễu đo lưu động vữa Bình tam giác 1000ml Bơm hút chân không Đồng hồ bấm giây
48	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807 ASTM C403 ASTM C953	Bộ kim Vica Đồng hồ bấm giây
49	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy Thước kẹp Cân thủy tinh
50	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022, ASTM C109/C109M	Khuôn 40x40x160mm Máy nén thủy lực 30 tấn Thùng hấp mẫu xi măng
51	Xác định độ bám dính của vữa đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022, TCVN 9349:2012	Máy đo cường độ bám dính
52	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân điện tử sai số 1g Ổng đong 1000ml

			Máy trộn Thùng ngâm mẫu Máy đo cường độ bám dính đầu kéo
53	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012	Bàn đẵn, khuôn chày đầm, ống thủy tinh
54	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011	Cân kỹ thuật, thùng lưu mẫu, bay thép, tủ sấy, dao xây..
V	PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
55	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 6625:2000, TCVN 4560:1988; AASHTO T26	Tủ sấy Lò nung Bình hút ẩm Bát sứ, chén sứ
56	Xác định màu sắc nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 6185:2008	Quan sát bằng mắt thường
57	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988; AASHTO T26	Tủ sấy Lò nung Bình hút ẩm Bát sứ, chén sứ
58	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011, TCVN 4560:1988; AASHTO T26 ASTM D1293	Nhiệt kế Thiết bị đo PH
59	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996, ASTM C114 SMEWW411B	Hóa chất, buret
60	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996 ASTM D516-2022	Hóa chất Phễu lọc thủy tinh Bình thủy tinh có vòi Cân điện tử sai số 0,0001
61	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988	Ống nghiệm có chiều dài từ 150÷200mm, bình đong dung tích 100ml và 1000ml, Buret dung tích 5ml, 10ml.
62	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt
VI	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI		
63	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; ASTM A416; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989	Cân kỹ thuật (0,1g), Thước thép 500mm
64	Thử kéo, giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài tương đối.	TCVN 1651:2018, TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 13711-2:2023, ASTM A370 JIS Z2241 ASTM D 2628	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.
65	Thử uốn, thử mỏi	TCVN 1651:2018, TCVN 198:2014, ASTM A370 JIS Z2248-2022	Máy thử kéo – nén 1000KN, Thước thép 500mm, Gối uốn

		TCVN 6287:1997	
66	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử uốn, thử kéo, thử kéo ngang, kéo dọc, va đập	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010, TCVN 5402:2010, TCVN 5403:2010, ASTM E190	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.
67	Lưới thép hàn, rọ đá, thảm đá – thử kéo, thử uốn, thử cắt mối hàn lưới kim loại, độ giãn dài mối hàn	TCVN 9391:2012	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.
68	Thí nghiệm cơ lý nhôm, và hợp kim nhôm: xác định kích thước, thử kéo, độ giãn dài, độ cứng	TCXDVN 330:2004 ASTM B557 TCVN12513:2018	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm. thước kẹp
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẬP, CÁP PHỐI ĐÁ ĐÀM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT, ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH, XI MĂNG ĐẤT		
69	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa
70	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng, khối lượng thể tích	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100	Nước cất Dầu hoả Cân kỹ thuật sai số 0,01g Bình tỷ trọng cối chày sứ Tủ sấy Bơm chân không Tỷ trọng kế
71	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265	Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Bình hút ẩm hộp nhôm Sàng 1mm Búa, bay trộn,
72	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90	Bộ thí nghiệm vaxiliep Bộ giới hạn dẻo Bộ giới hạn chảy Cân điện tử 0,1g
73	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88 AASHTO T27 ASTM C136	Bộ sàng Cân điện tử sai số 5g Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy Máy lắc sàng Nhiệt kế thủy tinh sai số 0,5 độ Dụng cụ thủy tinh
74	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080	Máy cắt đất 2 tốc độ Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy
75	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M AASHTO T216	Máy nén đất tam liên Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy

76	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020; AASHTO T99 AASHTO T180	Cối chày đầm chặt Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy
77	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Cốc thủy tinh Tủ sấy Bình hút ẩm
78	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, 22TCN 332:2006 ; AASHTO T193 ASTM D1557	Khuôn CBR, Máy nén CBR, Chày đầm, Tủ sấy Bể ngâm mẫu Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 19 và 4,75mm
79	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434	Bảng Thấm Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Sàng rây Đồng hồ bấm giây
80	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166-2016	Máy nén 1 trục Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g
81	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004 AASHTO T267 ASTM D2974	Tủ sấy Bình hút ẩm Cân điện tử sai số 0,1 Cân điện tử sai số 0,01 Sàng thí nghiệm cỡ 0,25mm và 2mm Ống đồng thủy tinh Bình tam giác Hóa chất Giấy lọc
82	Xác định góc nghi tự nhiên	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghi tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, hóa chất,...
83	Xác định đương lượng cát	ASTM D2419-2022	Bộ dụng cụ đương lượng cát
84	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ, modun đàn hồi của lớp vật liệu đá gia cố, chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011 ASTM D559, D1633 TCVN 9843:2013	Cối chày sứ Sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Bếp cách cát Giấy lọc Hoá chất Máy đo PH Đồng hồ bấm giây Máy nén
85	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp	TCN 59:1984	Bộ sàng, cân điện tử, dao cắt, bay, khay, khuôn... Thiết bị đầm nén, tủ sấy, khay làm ẩm
86	Xác định độ bền khi nén (cường độ kháng ép)	TCN 59:1984	Máy nén, thùng đựng mẫu, khan vệ sinh, gang tay,,

87	Thí nghiệm xác định mô đun biến dạng	TCN 59:1984	Máy nén lún, sổ ghi kết quả, khay vệ sinh...
88	Thí nghiệm xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	TCN 59:1984	Thùng ngâm mẫu, gang tay, tủ sấy nhiệt độ,
89	Xác định độ đầm chặt PP khô và ướt	ASTM D559/D560	Tủ sấy, khay đựng mẫu, giấy lau khô..
90	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ; Xác định cường độ kháng nén/uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1633/D1634/D1635	Máy nén, khăn lau, thước đo, thùng bảo quản..
VIII	BÊ TÔNG NHỰA		
91	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall Cân điện tử sai số 0,1g Thiết bị trộn, gia nhiệt, khuôn, Tủ sấy
92	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164 ASTM D2172	Máy quay li tâm tách nhựa Tủ sấy, giấy lọc, cân, khay Bình hút ẩm
93	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011, TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27 ASTM C136/C136M	Sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g
94	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041 AASHTO T209	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, tủ sấy,...
95	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T176	Cân thủy tĩnh sai số 0,1g Bàn cân thủy tĩnh Tủ sấy, nhiệt kế
96	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390 AASHTO T305	Cân thủy tĩnh sai số 0,1g Tủ sấy, đĩa kim loại, rọ đựng mẫu,...
97	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, ống đong, phễu, tấm kính, khay, dao gạt,...
98	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	Cân thủy tĩnh, thùng chứa
99	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022	Tính toán
100	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011	Tính toán
101	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011	Tính toán
102	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall Cân điện tử sai số 0,1g Máy trộn gia nhiệt Khuôn Tủ sấy
103	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, môi xúc..
IX	NHỰA BITUM		

104	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, thùng nũa, hộp sữa bò.
105	Xác định độ kéo dài ở 25 ⁰ C	TCVN 7496:2005; ASTM D113 AASHTO T51	Máy giãn dài nhựa
106	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M AASHTO T53	Thiết bị hóa mềm
107	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92 AASHTO T48	Thiết bị bốc cháy nhựa
108	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M ASTM D1754 ASTM D2872 AASHTO T179 AASHTO T240	Lò nung, cân kỹ thuật, tủ sấy....
109	Xác định độ kim lún, PI	TCVN 7495:2005 22TCN 279:2001 ASTM D5/D5M	Máy đo độ kim lún
110	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005 AASHTO T44 ASTM D 2042	Thiết bị hoà tan Tricloetylen Tủ sấy Hoá chất Tricloetylen
111	Xác định khối lượng riêng (phương pháp pycnometer)	TCVN 7501:2005, TCVN 11196:2017, 22TCN319:2004, ASTM D2196, ASTM D70/D70M AASHTO T228	Bình tỷ trọng bê tông nhựa Nhiệt kế
112	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182	Dây buộc Bình thủy tinh Nước cất Bếp đun Nhiệt kế
X	NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT		
113	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu Pipet Cân điện tử sai số 0,1g Cốc thủy tinh 1000ml Tủ sấy
114	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-4:2011	Sàng 0.85mm, tủ sấy, khay, nhiệt kế, cân
115	Xác định điện tích hạt của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-5:2011	Nguồn điện 1 chiều 12V, điện cực, bể ổn nhiệt, nhiệt kế
116	Xác định độ khử nhũ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-6:2011	Sàng 1,4mm Cốc đong 600ml Tủ sấy Hoá chất CaCl ₂
117	Xác định trộn với xi măng của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-7:2011	Sàng 1,4mm Khay kim loại Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy

118	Xác định độ dính bám và tính chịu nước của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-8:2011	Chảo trộn Dao trộn Sàng 19mm Nhiệt kế Cân điện tử sai số 0,1g Pipet 10ml
119	Xác định chung cát nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-9:2011	Nồi chung cát Ổng đong thủy tinh Nhiệt kế Cân điện tử sai số 0,1g Sàng
120	Xác định bay hơi nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh 1000ml Đũa thủy tinh Cân điện tử 0,1g Tủ sấy Sàng
121	Thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11:2011	Tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế, cồn, nước cất, cát chuẩn, Axit HCl
122	Thí nghiệm nhận biết nhũ tương nhựa đường gốc axit phân tích chậm	TCVN 8817-12:2011	Tủ sấy, cân, ống đong, nhiệt kế, cồn, nước cất, cát chuẩn, sàng 0.85mm
123	Xác định khả năng trộn lẫn với nước của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-13:2011	Cốc đong thủy tinh Nhiệt kế Đũa thủy tinh
124	Xác định khối lượng thể tích của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-14:2011	Bình đong tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Bể ổn nhiệt
125	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại 500ml Chảo Ổng đong thủy tinh Dao Trộn Sàng 19mm
XI	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
126	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa lỏng	TCVN 8818-2:2011	Bộ dụng cụ thử bắt lửa
XII	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRÔNG BÊ TÔNG NHỰA		
127	Xác định thành phần hạt, độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3 ; 0.15; 0.075mm), Cân kỹ thuật (0,01g), bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 ⁰ c, khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm
128	Xác định lượng mất khi nung của bột khoáng	22TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g) , chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 ⁰ c, lò nung 1200 ⁰ c, bình hút ẩm, cọ quét.
129	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không,

			tủ sấy đến 300 ⁰ c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lau, bếp cách cát.
130	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 ⁰ c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lau, bếp cách cát.
131	Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), dụng cụ Vica, bát sứ, bát sắt (cao 20, đường kính 20mm), dầu, dao thép.
132	Xác định hệ số thích nước, độ trương nở của bột khoáng	22 TCN 58:1984, TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy đến 300 ⁰ c, chén xú, chày có bịt cao su, ống đo 50ml, que thủy tinh, nước cất, dầu hỏa.
133	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande , Các tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, cân kỹ thuật (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy đến 300 ⁰ c, dao để trộn
XII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
134	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, TCVN 8719 :2012 ; ASTM D2937	Dao dai tròn bằng thép dung tích > 100cm ³ , cân 10kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, cùn, búa đóng 1,5kg, bay, cọ quét
135	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:06; ASTM D1556/D1556M AASHTO T191	Phễu rót cát; cát chuẩn; cân 30kg(5g); cân 6kg (0.1g); bếp ga sấy ẩm ; sàng (2.36; 0,15mm), sàng 19mm
136	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Cần benkelman, Tấm để , Kích thủy lực 200kN
137	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025 ASTM D4729	Cần benkelman, Tấm để , Kích thủy lực 32 tấn đồng hồ so 50mm(0.01mm),

			nhiệt kế điện tử 3000c, giấy kẻ ô ly, mỡ bò, búa đục
138	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395	Cần benkelman, Tấm đề, Kích thủy lực 200kN
139	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM 4429	Máy đo CBR hiện trường bao gồm (gồm thân máy + vòng lực) + đồng hồ so 0-20mm (0.01mm), bộ cần xuyên, chùy xuyên đường kính 49.99mm, tấm gia tải, giá bắt thiết bị đo CBR, bay, mũi xúc.
140	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước 3m
141	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Dụng cụ thí nghiệm rắc cát
142	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	Cân kỹ thuật 6000g/0.1g, Khay đựng mẫu, Dao bay, cùn bép ga
143	Phương pháp không phá hủy sử dụng máy siêu âm, súng bật nảy và kết hợp giữa siêu âm và bật nảy	TCVN 13536:2022 TCVN 13537:2022 TCVN 9334: 2012 TCVN 9335:2012	Máy siêu âm, súng bật nảy
144	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp địa
145	PP điện tử xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Thiết bị siêu âm dò cốt thép, chiều dày lớp bảo vệ trong bê tông (phạm vi đo đk thép 6 - 50mm)
146	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng pp biến động lớn (PDA)	TCVN 11321:2016, ASTM D4945	Máy phân tích cọc (PDA)
147	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012	Máy siêu âm cọc khoan nhồi
148	Độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế (IRI)	TCVN 8865:2011	Xe ô tô, bộ đo xóc, máy tính ...
149	Đo lún, đo nghiêng, trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9360:2012, TCVN 9398:2012, TCVN 9400:2012	Máy toàn đạc.
150	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục, đẩy ngang, kéo nhỏ	TCVN 9393:2012, ASTM D3689 ASTM D3966 ASTM D1143	Bộ kích, dầm, tải,...
151	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 12252:2020, TCVN 239-2006, TCVN 10303:2014, ASTM C42/ C42M	Máy nén thủy lực 200 tấn Máy khoan rút lõi Cân điện tử sai số 0,1g Thước phẳng
XIV	GẠCH XÂY		
152	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước kẹp

153	Cường độ nén, uốn của gạch xây	TCVN 6355-2-3:2009	Máy nén, uốn, gá uốn ...
154	Độ hút nước, khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-4-5:2009	Tủ sấy đến 300°C (± 1 °C), cân kỹ thuật (0.1g), thước lá kim loại, thước kẹp điện tử 200mm
155	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật (0,1g), thùng chứa mẫu, tấm kính, cát .
156	Xác định vết tróc do vôi, thoát muối	TCVN 6355-7-8:2009	Thùng giữ ẩm, thước thép 1000mm/1mm, khay chứa nước, tủ sấy đến 300°C/1°C, bàn chải
XV	GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ		
157	Xác định kích thước, độ hút nước, khuyết tật	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999	Tủ sấy, thước kẹp, cân
158	Xác định cường độ nén, độ thấm nước, độ rỗng, độ mài mòn	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999	Máy thử nén, máy mài mòn, bộ thử thấm, tủ sấy, thước kẹp, cân,...
159	Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước, cường độ, khối lượng thể tích, độ ẩm, độ co, hệ số dẫn nhiệt, vuông góc, khuyết tật	TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017 TCVN 9029:2017	Máy kéo nén 100kN(d= 0.001 kN), Tủ sấy đến Gá uốn Thước thép Thước kẹp
XVI	THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN BENTONITE		
160	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020	Cân tỷ trọng bộ hàm lượng cát bộ thí nghiệm nhớt giấy PH lực kế cắt tĩnh thiết bị đo lượng mất nước và độ dày áo sét cân điện tử sai số 0,01g bình thủy tinh thước kẹp
XVII	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA, MÀNG HDPE, BÁC THẨM		
161	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009 ASTM D5199	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so
162	Xác định khối lượng trên đơn vị thể tích vải địa không dệt, có dệt	TCVN 8221:2009, ASTM D 5261 ASTM D3776 ASTM D5261 ASTM DI 907 ASTM D 5993	Cân kỹ thuật 0.01g thước lá kim loại 1000mm/1mm.
163	Xác định cường độ chịu kéo, kéo giật, kéo mỗi nối, và độ giãn dài	TCVN 8485:2010, ASTM D 4595 TCVN 9138:2012; ASTM D4884 ISO 10321 TCVN 8871-1:2011, ASTM D4632	Máy kéo nén 100KN Ngàm kéo

164	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011, ASTM D 4533 ASTM DI004 ASTM D751	Máy kéo nén 100KN Ngàm kéo
165	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241 -2022; ISO 12236 -2006	Máy kéo nén 100KN Gá xuyên CBR
166	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D 4833	Máy kéo nén 100KN Đầu xuyên thủng thanh
167	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5 : 2011; ASTM D3786/D3786M	Thiết bị tạo áp lực nén, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước mẫu...
168	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6 : 2011, TCVN 8486: 2010 ASTM D4751 ISO 12956	Máy lắc sàng, hạt thủy tinh
169	Xác định độ thấm xuyên và hệ số thấm, lưu lượng thấm, thấm ngang	TCVN 8487:2010, ASTM D 4491-09 BS 6906, ISO 12958 ASTM D 4716-08	Thiết bị thử nghiệm thấm vải địa
170	Xác định độ hồng của vải dưới tác động của độ ẩm hơi nóng và ánh sáng UV chiếu	ASTM D4355:2007	Tủ UV
171	Xác định cường độ chịu kéo sau khi chịu tia cực tím,	ASTM D4355:2007	Tủ UV
XVIII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA, TẤM NHỰA MICA		
172	Xác định kích thước hình học, ngoại quan, đo ovan, độ dày	TCVN 6145:2007 TCVN 7093:2003 TCVN 9070 : 2012	Thước kẹp, Thước thép 500mm,1000mm (1mm), thước banme
173	Thử nghiệm ở 110 °C trong 60 phút, độ bền chịu diclometan ở nhiệt độ quy định	TCVN 8492:2011 TCVN 7306:2008	Tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C)
174	Xác định nhiệt độ hóa mềm Vicat	TCVN 6147:2003 ASTM D1525	Thanh đỡ, mũi kim loại, Micromet kiểu đồng hồ, đĩa đỡ tải trọng, Tủ sấy đến 300 ⁰ c (±1 °C), nhiệt kế điện tử đo nhiệt độ, bể ổn nhiệt,
175	Thử áp suất thủy tĩnh, xác định áp lực trong của ống, độ hấp thụ nước, chịu nén	TCVN 6149-1:2007 TCVN 6041:1995 TCVN 9070 : 2012 DIN 8078 ASTM D679, ASTM F714 ASTM D570	Máy bơm nước tăng áp, có áp lực nén lớn nhất 2 MPa, Hệ thống van khóa nước một chiều,thước lá kim loại 500mm(1mm), đồng hồ áp, bộ cùng tăng đơ
176	Xác định độ cứng vòng,	TCVN 8850 : 2011	Máy kéo nén 100KN, thót nén trên và dưới, thước kẹp thước thép 500mm,1000mm (1mm)

177	Xác định độ hấp thụ nước ống nhựa PVC cứng	TCVN 6042:1995 ISO 2508:1981	Thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân điện tử
178	Xác định độ bền ngắn hạn ở nhiệt độ 20 ⁰ c; 80 ⁰ c; 90 ⁰ c	TCVN 12306: 2018	Tủ sấy đến Thước kẹp
179	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148 : 2007	Bể chất lỏng gia nhiệt, Tủ sấy nhiệt kế Thước kẹp Hóa chất Glyxerin, glycol
180	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài	TCVN 7434 – 1-2 : 2004	Máy kéo nén 100kN Ngàm kẹp mẫu, Máy cắt thước panme thước kẹp
181	Xác định độ bền nén	TCVN 8699-2011 BS 6099-2-2 BS EN 50086-2-1	Máy kéo nén 100kN
182	Xác định độ ovan ống nhựa nhiệt dẻo	TCVN 7305:2008 ISO 4427:2007	Thước kẹp, thước lá

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số: Số: 01.0704 /2026/QĐ-CBNL ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng)

STT	Tên máy	Kiểu	Serial	Số lượng
1	Máy nén bê tông 2000KN	TYA-2000	191	1
2	Gá uốn mẫu bê tông 2 điểm			1
3	Côn thử độ sụt bê tông			3
4	Dụng cụ vica			2
5	Thùng hấp mẫu xi măng	WT 012-1DCUDB	1-0123	1
6	Bàn dẫn vữa xi măng			2
7	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm			5
8	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm			5
9	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa			50
10	Cát chuẩn 0,08-2mm, ISO 679 Trọng lượng tiêu chuẩn: 1.35kg/1 túi			100
11	Khuôn Le Chatelier			30
12	Bình tỷ trọng xi măng Dùng để đo tỷ trọng xi măng Thể tích 250 ml Vạch chia từ 0 - 1 ml và từ 18 - 24 trên cổ bình Độ chính xác 0,5 ml			5
13	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong			5
14	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)			5
15	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)			5
16	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)			5
17	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)			5
18	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)			5
19	Bộ sàng dây tiêu chuẩn D300mm bao gồm các cỡ từ 0,071-70mm (50; 37,5; 25; 19; 9,5; 4,75; 2,36; 0,425; 0,075; đáy + Nắp)			5
20	Tủ sấy 300°C chỉ thị điện tử	101-2A	21171 32758	2
21	Cân điện tử 6000g x 0,1g	GS6201	2024522019	1
22	Bộ phễu rót cát			10
23	Máy kiểm tra độ bền kéo nén 1000KN	WE-1000B	201211	1
24	Cân điện tử 15kgx0,5g	HAW-15	1026631 1026633	2
25	Cân điện tử 15kgx0,5g	ALC-15	5050925 58241120569	2

26	Bộ rót cát hiện trường			10
27	Bộ dao đai			10
28	Máy đầm Proctor	JZ-2D	210393 210517	2
29	Bộ cối chày đầm Proctor tiêu chuẩn			3
30	Bộ điều khiển máy nén bê tông loại 200T			1
31	Chén sứ 50ml			10
32	Côn thử độ sụt N2			5
33	Thanh đầm			5
34	Máy dẫn vữa xi măng	ZS-15	HY230620-3404	1
35	Lưỡi khoan kim cương D101,6mm			3
36	Mũi khoan kim cương D101,6mm			1
37	Bộ rót cát			5
38	Lò nung 1200°C	4-10	2003017	1
39	Cân kỹ thuật (3200 x 0,01g)	GS3202N	91105 5881906589	2
40	Bát sứ D80mm			5
41	Bình tỷ trọng đất 100ml			10
42	Bình tam giác 500ml			5
43	Bình tam giác 1000ml			5
44	Bình tam giác có vòi chịu áp 1000ml làm tỷ trọng BTN			5
45	Cốc đong thủy tinh có vòi 100ml			10
46	Cốc đong thủy tinh có vòi 250ml			10
47	Cốc đong thủy tinh có vòi 1000ml			10
48	Ống đong nhựa 50ml			10
49	Ống đong nhựa 100ml			10
50	Ống đong nhựa 250ml			10
51	Ống đong nhựa 500ml			10
52	Ống đong nhựa 1000 ml			10
53	Ca xúc mẫu 500ml			10
54	Cối chày sứ D100mm			5
55	Đồng hồ so điện tử 12,7 x 0,001mm			5
56	Hộp nhôm D55x35			200
57	Khay nhôm 200x100x50mm			100
58	Nhiệt kế điện tử TP101 (-50 đến 300 độ C)			10
59	Nhiệt kế kim loại 300 độ C			5
60	Nhiệt kế thủy tinh 300 độ C			5
61	Thước kẹp 200mm Model: CD-20APX			5
62	Bơm chân không 650mmhg Model: 2xz-1			1
63	Thước lá 100cm			10
64	Tủ sấy 300 độ C	101-4		3
65	Bộ gối uốn thép theo tiêu chuẩn bao gồm các cỡ gối: D30; D36; D40; 50; 56; 60; 64; 70; 80; 84;			1

	96; 108; 120; 132; 150; 168; 192 + Gá trên			
66	Máy nén bê tông 2000KN			1
67	Bộ má kẹp thép đường kính 0- 40mm			1
68	Mũi khoan kim cương D90			1
69	Gá giữ đồng hồ so			10
70	Kích thủy lực 32 tấn, hành trình 100mm			1
71	Bộ ngàm thí nghiệm xé rách hình thang vải địa kỹ thuật			1
72	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh			1
73	Bộ ngàm thí nghiệm lô cuốn vải địa cường độ cao			1
74	Bộ gá thí nghiệm xuyên CBR			1
75	Bộ gá thí nghiệm xuyên thùng than			1
76	Bộ ngàm kéo giật và độ giãn dài			1
77	Bộ đo ổn định thể tích của xi măng			1
78	Gá kéo bu lông			1
79	Thiết bị khắc vạch thanh thép			1
80	Máy kéo nén đa năng 100KN Model: WDW-100			1
81	Nhớt kế VEBE			3
82	thước kẹp điện tử 300mm model: 1108-300			2
83	Tủ sấy 300 độ Model: 101-1A+2A			3
84	Máy trộn vữa xi măng Model:	017		1
85	Đá thấm 30cm ³ và 50cm ³			10
86	Phễu rót cát, túi lọc			10
87	Gá uốn xi măng 40*40*160mm			5
88	Bộ sàng D300			5 bộ
89	Cát trắng			50
90	Khuôn đúc bê tông các loại			50
91	Bộ dụng cụ vicat			2
92	Bộ phễu rót cát			1
93	Cân kỹ thuật			1
94	Cân kỹ thuật			1
95	Bộ sàng D300 Cân điện tử, khay, bộ ngối gá uốn thép Tấm cao su + Đế capping			1
96	Bộ thí nghiệm Bentonite			1
97	Máy marshall – cbr			1
98	- Máy nén bê tông điện tử 2000kN - Bộ xác định độ nhám - Bộ dao vòng + rót cát - Khuôn thép 40x40x160mm - Máy nén bê tông 2000kN			1

	- Cân điện tử, bộ sàng - Tủ sấy - Máy đầm CBR/Protor - Bộ gá uốn gạch tiêu chuẩn			
99	- Bộ ngàm kéo đứt và độ giãn dài vải địa - Ngàm kẹp mẫu chiều rộng 100mm - Cường độ xé rách hình thang, xuyên thủng - CBR-ASTM D6241 - Ngàm kẹp chì thí nghiệm kéo đứt vải địa cường độ cao - Bộ gá uốn gạch, dùng cho các loại gạch - Dao cắt mẫu cao su - Bộ khung thép nén công ba cạnh - Bộ gá kéo ván gỗ - Kích thủy lực YQ-300			1
100	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ D150xH150mm			1
101	Chụp đế capping dùng cho mẫu D150			3
102	Bộ ép chẻ mẫu bê tông hình trụ D150			1
103	Máy mài mòn bê tông, mẫu vuông 70,7mm		24026	1
104	Máy nén xi măng 300KN Model: TYA-300	TYA-300	010	1
105	Bộ tỷ diện xi măng Model: DBT-127			1
106	Bình tỷ trọng xi măng 250ml			1
107	Phễu xác định độ chảy của vữa theo tiêu chuẩn: ASTM C939			1
108	Máy mài mòn Los Angeles	MH-II	M-001-05	1
109	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150			1
110	Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75			1
111	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong			1
112	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong			1
113	Thùng dung trọng 1 lít (Hộc đong)			1
114	Thùng dung trọng 2 lít (Hộc đong)			1
115	Thùng dung trọng 3 lít (Hộc đong)			1
116	Thùng dung trọng 5 lít (Hộc đong)			1

117	Thùng dung trọng 10 lít (Hộc đong)			1
118	Thùng dung trọng 15 lít (Hộc đong)			1
119	Thùng dung trọng 20 lít (Hộc đong)			1
120	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)			1
121	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)			1
122	Bảng màu chuẩn			1
123	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)			1
124	Bộ kim sắt xác định độ phong hoá của đá (3 chiếc/bộ)			1
125	Bộ xác định đương lượng cát Bao gồm: Hộp gỗ, 3 ống mẫu chuẩn, dụng cụ xác định. (không kèm máy lắc)			1
126	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3			1
127	Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo TCVN 8860-7:2011. Bao gồm: Phễu côn rót, bộ gá phễu, ống đong dung tích chuẩn.			1
128	Máy nén CBR 50KN (loại dùng cung lực) Model: CBR-2			2
129	Máy nén một trụ nở hông của đất (Dùng cung lực) Model: YTW-2			1
130	Khuôn CBR tiêu chuẩn mạ cầu vòng.			2
131	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 3 cốc âm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng.			1
132	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Bao gồm: Bộ dụng cụ xác định độ giới hạn chảy của đất kèm bộ đếm, dụng cụ khía rãnh, miết rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng bằng gỗ.			1
133	Bộ Vaxilieps Model: ZY-1			1
134	Máy nén đất tam liên loại trung áp Model: WG			1
135	Bộ thấm cột nước không đổi			1
136	Bộ trương nở đất WZ-II Dao vòng thấm 61,8x20mm. Thiết bị điều chỉnh cân bằng bằng đai ốc dưới cốc chứa nước, đồng hồ so 10x0,01mm			27

137	Bảng cột thấm nước 1 mẫu (đơn)			1
138	Dụng cụ đo lực cắt tĩnh của dung dịch Bentonite			1
139	Thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát			1
140	Thiết bị giãn dài nhựa loại 1500mm Model: SY-1,5		13081	1
141	Bộ kim lún nhựa tự động Model: IV-2000		211215	1
142	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động Model: SYD2806E		460724D	1
143	Bếp gia nhiệt bằng điện (bếp cách cát) Kèm 1 khay nhôm 200x250x40 mm			1
144	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa		2221	1
145	Máy ly tâm tách nhựa			1
146	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330, loại dày, 100 tờ/hộp			1
147	Máy đầm MARSHALL tự động		20231116	1
148	Bể ổn nhiệt marshall điện tử			2
149	Thiết bị kiểm tra thấm vải địa			1
150	Thiết bị xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô Model: JPS-200 Cung cấp bao gồm Máy lắc tiêu chuẩn và hạt thủy tinh		1706-9-2017	1
151	Thiết bị kiểm tra độ dày của vải địa kỹ thuật. Diện tích : 25cm ² (Đường kính: Φ 56.42mm) Đồng hồ đo sai số 0,01mm		1706-9-2031	1
152	Thiết bị thử áp lực kháng bụi của Vải địa Cung cấp bao gồm: Bơm tạo áp bằng tay, đồng hồ áp suất có thể lữ trữ giá trị áp xuất Max, hệ thống dây nối, bộ gá mẫu			1
153	Bộ cân Benkenman			1
154	Thước 3m với thước đo độ võng, loại gấp đôi.			1
155	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát. Bao gồm: Hộp gỗ, ống đong tiêu chuẩn, bàn xoa chuẩn, chổi mềm.			1
156	Máy siêu âm bê tông	C369N		1

157	Cân kỹ thuật 5000g/0.01g	HC-B50002	2023820	1
158	Khuôn đúc mẫu CTB			1
159	Gá ép chẻ CTB			1
160	Máy cắt			1
161	Máy khoan mẫu			2
162	Máy kiểm tra kéo nén đa năng			4

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung dịch, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v ... và hệ thống máy móc trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm, đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng theo quy định.

DANH MỤC CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: 01.0704/2026/QĐ-CBNL ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Ghi chú
1	Lộc Xuân Sơn	Trưởng phòng	<p>1. Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. Tổ chức cấp bằng: Trường Đại học giao thông Ngành: kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. + Tốt nghiệp: 2022 + Loại bằng: Chính quy</p> <p>3. Chứng chỉ Nghiệp vụ quản lý chất lượng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số 2024.03.15-NUCE/CCTVN do Công ty Cổ phần tiêu chuẩn Quốc tế cấp ngày 25/03/2024.</p> <p>3. Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành vật liệu xây dựng số 2023A0948B/QL do Viện nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới</p>	
2	Triệu Xuân Mùi	Thí nghiệm viên	<p>1. Bằng đại học: Cao đẳng + Tổ chức cấp bằng: Đại học Thủy Lợi + Thời gian tốt nghiệp: 10/10/2018</p> <p>-Chứng chỉ: Nghiệp vụ quản lý chất lượng PTN theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 + Tổ chức cấp bằng: Viện cơ khí năng lượng và môi trường VINACOMIN cấp ngày 28/2/2023</p> <p>- Chứng chỉ: Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của Bê tông, nhựa và Vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường. + Tổ chức cấp bằng: Viện Nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt đới + Thời gian: 01/2019 + Loại bằng: Chứng chỉ</p>	

3	Lê Văn Thùy	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư thủy lợi + Tổ chức cấp bằng: Trường Đại học Thủy Lợi + Ngành: Thủy văn môi trường + Tốt nghiệp: 2004 + Loại bằng: Chính quy - Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo “Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình Giao thông + Tổ chức cấp bằng: Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải + Thời gian: 10/2010 + Loại bằng: Chứng chỉ - Chứng chỉ kiểm định chất lượng công trình xây dựng + Tổ chức cấp bằng: Viện đào tạo và phát triển quản lý DAVILAW + Thời gian: 06/07/2014 – 11/07/2014 + Loại bằng: Chứng chỉ 	
4	Nguyễn Ngọc Thái	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: Kỹ sư xây dựng cầu đường + Tổ chức cấp bằng: Đại học Giao thông vận tải + Thời gian tốt nghiệp: 2011 - Chứng chỉ quản lý + Tổ chức cấp bằng: Viện nghiên cứu bồi dưỡng cán bộ Hà Nội + Thời gian: 02/2013 + Loại bằng: Chứng chỉ - Chứng chỉ thí nghiệm viên + Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng + Thời gian: 20/04/2017-17/04/2017 + Loại bằng: Chứng chỉ 	
5	Nguyễn Đức Nam	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. + Tổ chức cấp bằng: Trường Đại học Xây dựng 	

			<ul style="list-style-type: none"> + Ngành: kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. + Tốt nghiệp: 2014 + Loại bằng: Chính quy - Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng + Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ GTVT + Thời gian: 04/12/2014 – 08/12/2014 + Loại bằng: Chứng chỉ - Chứng chỉ thí nghiệm viên + Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng + Thời gian: 03-04/2016 + Loại bằng: Chứng chỉ 	
6	Đình Văn Trình	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: Kỹ thuật công trình xây dựng + Tổ chức cấp bằng: Đại học xây dựng + Thời gian tốt nghiệp: 20/08/2014 - Bằng nghề: Thí nghiệm viên + Tổ chức cấp bằng: Trường kỹ thuật và nghiệp vụ giao thông vận tải miền trung + Thời gian tốt nghiệp: 15/4/2002 + Loại bằng: Bằng nghề - Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm + Tổ chức cấp bằng: Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. + Thời gian: 04/2014 + Loại bằng: Chứng chỉ - Chứng chỉ thí nghiệm viên + Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng + Thời gian: 03/10/2013 đến 07/10/2013 + Loại bằng: Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông. - Chứng chỉ thí nghiệm viên 	

			<p>+ Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng</p> <p>+ Thời gian: 19/2/2009 đến 24/02/2009</p> <p>+ Loại bằng: Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.</p>	
7	Nguyễn Thái Lộc	Thí nghiệm viên	<p>- Bằng đại học: Kỹ sư xây dựng cầu đường</p> <p>+ Tổ chức cấp bằng: Đại học bách khoa- Đại học Đà Nẵng</p> <p>+ Thời gian tốt nghệ: 20/08/2005</p> <p>- Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm</p> <p>+ Tổ chức cấp bằng: Trung tâm đào tạo và thông tin</p> <p>+ Thời gian: 26/03/2010 - 29/03/2010</p> <p>+ Loại bằng: Chứng chỉ</p> <p>- Chứng chỉ thí nghiệm viên</p> <p>+ Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng</p> <p>+ Thời gian: 09/07/2008-01/08/2008</p> <p>+ Loại bằng: Chứng chỉ</p> <p>- Chứng nhận 17025: 2017</p> <p>+ Tổ chức cấp bằng: Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng</p> <p>+ Thời gian: 12/01/2021</p> <p>+ Loại bằng: Chứng chỉ</p>	
8	Nguyễn Đức Hiếu	Thí nghiệm viên	<p>Bằng trung cấp nghề: Thí nghiệm vật liệu</p> <p>+ Tổ chức cấp bằng: Trường Trung học giao thông vận tải Miền Trung</p> <p>+ Thời gian: 10/2005- 03/2007</p> <p>+ Loại bằng : Bằng nghề</p>	

9	Bùi Thị Thanh Huyền	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư + Tổ chức cấp bằng: Trường Đại học Mỏ- Địa chất + Ngành: Địa chất công trình- ĐKI + Tốt nghiệp: 17/07/2007 + Loại bằng: Chính quy - Chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về “Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường” + Tổ chức cấp bằng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng + Thời gian: 03/2007 +Loại bằng: Chứng chỉ 	
10	Trương Minh Vinh	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên + Chứng chỉ: Thí nghiệm viên * Tổ chức cấp bằng: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới 	
11	Bùi Đình Cư	Thí nghiệm viên	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm viên + Chứng chỉ: Thí nghiệm viên * Tổ chức cấp bằng: Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới 	

DANH MỤC
TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ĐANG HOẠT ĐỘNG
TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ KIỂM
ĐỊNH XÂY DỰNG

(Kèm theo quyết định số: 01.0704/2026/QĐ-CBNL ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Công ty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng)

STT	Dự án	Địa điểm	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm hoạt động hiện trường - Dự án: Dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Quốc tế Long Thành giai đoạn 1	Sân bay Long Thành -Đồng Nai	